TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/KDTM-ST
Ngày: 23/9/2023
V/v: T/chấp Hợp đồng kinh tế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Ngọc Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Đào Thị Kim Tuyến**

2. Ông Hoàng Văn Hạnh

Thư ký phiên tòa: **Ông Tạ Ngọc Anh -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát quận Cầu Giấy: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 107/2022/TLST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2022 về Tranh chấp Hợp đồng kinh tế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2023/QĐXX-KDTM ngày 29 tháng 08 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2023/QĐ-KDTM ngày 18 tháng 09 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Công ty TNHH MTV M***

Địa chỉ trụ sở: Số 282 phố K phường K, quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B - Luật sư Công ty Luật TNHH A (Theo giấy ủy quyền số 2/UQ-ACE ngày 17/8/2022). Có mặt.

Bị đơn: ***Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng T***

Địa chỉ trụ sở: KĐT N, phường Y, quận C, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang P, sinh năm 1992 (Theo giấy ủy quyền số 23/UQ-TĐĐ ngày 10/3/2023). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH MTV M do bà Nguyễn Thị B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng T và Công ty TNHH MTV M có thỏa thuận hợp tác và giao kết ba Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017, Hợp đồng số 40/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 06/5/2018 và Hợp đồng số 101/HĐKT/HP-NS ngày 02/8/2018. Trong đó:

Theo Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017, Công ty M được thuê để thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận, xử lý rác thải sau chôn lấp từ bãi rác M thuộc dự án V và các công tác thi công hạ tầng phụ trợ tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn N. Ngày 09/4/2018, Công ty M và ký phụ lục số 01 của Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017. Giá trị hợp đồng tạm tính mà Công ty T phải thanh toán cho Công ty M sau thuế là 19.250.000.000 đồng (Mười chín tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Theo Hợp đồng số 40/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 06/5/2018, Công ty M được thuê thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận, xử lý rác thải sinh hoạt sau chôn lấp từ bãi rác M thuộc dự án Vì và công tác thi công hạ tầng phụ trợ tại ô số 4 giai đoạn I Khu liên hợp XLCT N. Giá trị hợp đồng tạm tính mà Công ty T phải thanh toán cho Công ty M sau thuế là 4.510.000.000 đồng (Bốn tỷ, năm trăm mười triệu đồng).

Theo Hợp đồng số 101/HĐKT/HP-NS ngày 02/8/2018, Công ty M được thuê thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận, xử lý rác thải sinh hoạt sau chôn lấp từ bãi rác M thuộc dự án Vì và công tác thi công hạ tầng phụ trợ tại ô số 4 giai đoạn I Khu liên hợp XLCT N. Giá trị hợp đồng tạm tính mà Công ty T phải thanh toán cho Công ty M sau thuế là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm triệu đồng).

Như đã thỏa thuận trong các Hợp đồng trên thì hàng kỳ, vào ngày 15 hàng tháng (hoặc vào các ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày 15 nếu trùng vào ngày nghỉ, lễ), sau khi phía hoàn thành các công việc xử lý rác thải, rửa xe và xác định khối lượng xe vận chuyển rác sẽ được Công ty T thanh toán 80% (tám mươi phần trăm) giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Công ty T nhận được Hồ sơ đề nghị thanh toán của Công ty M. Cho đến khi Công ty M hoàn tất toàn bộ công việc trong Hợp đồng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và được các bên nghiệm thu thì Công ty T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán sau khi khấu trừ, thanh toán, tiền tạm ứng và các khoản chi phí khác. Việc quyết toán sẽ được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công ty T nhận được quyết toán từ Công ty M.

Tính đến thời điểm ngày 15/7/2019, số tiền mà Công ty T vẫn chưa thanh toán cho Công ty M là 5.329.880.408 đồng (Năm tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, tám trăm tám mươi ngàn, bốn trăm linh tám đồng).

Căn cứ Thư xác nhận công nợ ngày 20/01/2020 giữa Công ty T và Công ty M , đến ngày 31/12/2019, Công ty T xác nhận vẫn còn nợ Công ty M số tiền là 5.329.880.408 đồng.

Từ thời điểm ngày 20/01/2020 đến nay, Công ty Mđã nhiều lần yêu cầu Công ty T thực hiện thanh toán nốt số tiền công nợ còn thiếu là 5.329.880.408 đồng nhưng Công ty T vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại cho Công ty M và cũng không có bất kỳ phản hồi nào về các công văn yêu cầu thanh toán nợ từ phía Công ty M . Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty M .

Do đó, Công ty M đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xem xét và tuyên buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty M tổng số tiền còn nợ theo các 03 Hợp đồng kinh tế đã kí kết tạm tính đến ngày 23/9/2023 là 7.542.145.838 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc còn phải thanh toán: 5.329.880.408 đồng.

- Nợ lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/9/2023 là 2.212.265.430 đồng.

Công ty T phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngoài ra, Công ty M không còn yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T do ông Nguyễn Quang P là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Công ty T xác nhận Công ty T và Công ty M có giao kết ba Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017, Hợp đồng số 40/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 06/5/2018 và Hợp đồng số 101/HĐKT/HP-NS ngày 02/8/2018. Quá trình ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế đúng như Công ty M trình bày.

Tuy nhiên số tiền cụ thể về công nợ theo các Hợp đồng kinh tế đã ký kết mà Công ty M cung cấp chúng tôi thấy không đúng.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện 03 Hợp đồng kinh tế, chúng tôi có chuyển 01 máy xúc PC200 sang bên Công ty M để phục vụ cho công việc. Nay chúng tôi yêu cầu Công ty M trả lại cho chúng tôi 01 máy xúc trên.

Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Công ty M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tuyên buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty M số tiền còn nợ theo các 03 Hợp đồng kinh tế đã kí kết tạm tính đến ngày 23/9/2023 là 7.542.145.838 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc còn phải thanh toán: 5.329.880.408 đồng.

- Nợ lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/9/2023 là 2.212.265.430 đồng.

Công ty T phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay, Công ty T xin rút yêu cầu đề nghị Công ty Mtrả lại cho công ty 01 máy xúc PC 200.

Công ty T xác nhận tạm tính đến ngày 23/9/2023, công ty còn nợ Công ty Mso nợ gốc theo các Hợp đồng kinh tế là 5.329.880.408 đồng.

Công ty T đồng ý với lãi suất nợ quá hạn 10%/năm tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/9/2023 là 2.212.265.430 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty T phải thanh toán cho Công ty Mso tiền còn nợ theo 03 Hợp đồng kinh tế đã kí kết tạm tính đến ngày 23/9/2023 là 7.542.145.838 đồng.

Tuy nhiên Công ty T đang kiểm tra các tài liệu chứng từ để xem đã thanh toán cho Công ty Mkhoản tiền nào chưa và hai bên cũng chưa thống nhất được về phương thức thanh toán nợ nên Công ty T đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện VKS nhân dân quận Cầu Giấy phát biểu ý kiến:

Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn,bị đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M . Buộc Công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ theo 03 Hợp đồng kinh tế đã kí

kết tạm tính đến ngày 23/9/2023 là 7.542.145.838 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 5.329.880.408 đồng; Nợ lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/9/2023 là 2.212.265.430 đồng. Đình chỉ yêu cầu của công ty CP đầu tư xây dựng Tân Đại Đương về việc đề nghị Công ty Mtrả lại cho Công ty T 01 máy xúc PC 200. Công ty T phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thẩm quyền giải quyết vụ án:***

Công ty T và Công ty M có thỏa thuận hợp tác và giao kết ba Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017, Hợp đồng số 40/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 06/5/2018 và Hợp đồng số 101/HĐKT/HP-NS ngày 02/8/2018. Công ty M khởi kiện yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu theo 03 hợp đồng. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng kinh tế được quy định tại Khoản 1 Điều 30 BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty T có trụ sở tại KĐT N, phường Y, quận C, Hà Nội. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]*Về thủ tục tố tụng:*

Về thời hiệu khởi kiện: Công ty T và Công ty M có thỏa thuận hợp tác và giao kết ba Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017, Hợp đồng số 40/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 06/5/2018 và Hợp đồng số 101/HĐKT/HP-NS ngày 02/8/2018. Ngày 20/01/2020, Công ty T và Công ty Mxác nhận đến hết ngày 31/7/2019, Công ty T phải thanh toán số tiền nợ còn lại theo các Hợp đồng kinh tế đã ký kết cho Công ty M . Ngày 18/8/2022, Công ty Mkhởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Công ty Mtheo 03 hợp đồng kinh tế trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đương sự không có văn bản yêu cầu xem xét về thời hiệu, căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, không áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án. Mặt khác, hai bên không có tranh chấp về quá trình ký kết cũng như thực hiện hợp đồng, hai bên đã xác nhận công nợ với

nhau xong do đó đây là yêu cầu về thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên áp dụng BLDS để giải quyết. Căn cứ vào khoản 2 điều 221 BLDS quy định Quyền sở hữu được xác lập đối với tài sản trong trường hợp sau đây: "*Do lao động, do hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp...*"; Điều 222 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*Người lao động, người tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp có quyền sở hữu đối với tài sản có được từ lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp...*", tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng kinh tế xử lý rác thải giữa công ty môi trường đô thị và Công ty T được coi là yêu cầu về bảo vệ quyền sở hữu tài sản, cụ thể là đối với khoản nợ thuộc sở hữu của công ty môi trường đô thị. Căn cứ vào khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 Tòa án không áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Thủ tục tố tụng: Các bên đương sự tham gia đầy đủ về việc thực hiện quyền và nghĩa tố tụng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Công ty T và Công ty M có thỏa thuận hợp tác và giao kết ba Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017, Hợp đồng số 40/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 06/5/2018 và Hợp đồng số 101/HĐKT/HP-NS ngày 02/8/2018. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực hiện việc ký kết 03 hợp đồng kinh tế là ông Triệu Tuấn Đ chức vụ Giám đốc là người đại diện của Công ty M và ông Nguyễn Tiến Đ, chức vụ Giám đốc là người đại diện của công ty T. Công ty M và T là 02 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân và đại diện của hai bên ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực để tham gia giao dịch; mục đích, nội dung và hình thức của giao dịch trên theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 117; Điều 119 Bộ luật dân sự 2015; Điều 24 Luật thương mại 2005 xác định 03 Hợp đồng kinh tế là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty T và Công ty M có thỏa thuận hợp tác và giao kết ba Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017, Hợp đồng số 40/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 06/5/2018 và Hợp đồng số 101/HĐKT/HP-NS ngày 02/8/2018. Thực hiện Hợp đồng, Công ty M đã hoàn thành nghĩa vụ, hai bên đã tiến hành nghiệm thu khối lượng mà Công ty M đã tiếp nhận, xử lý rác thải sau chôn lấp từ Công ty T theo các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, hóa đơn gia tăng

và bảng tính giá trị đề nghị thanh toán. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2018, 31/7/2019 giữa Công ty Mvà Công ty T, theo Thư xác nhận nợ ngày 20/01/2020 của công ty T, số tiền mà Công ty T phải thanh toán đến hết ngày 31/12/2019 là 5.329.880.408 đồng. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán đến nay, Công ty T vẫn chưa thanh toán được số tiền trên cho Công ty M .

Như vậy, theo lời khai của nguyên đơn cùng các các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty Mđã thực hiện đúng theo điều khoản của hợp đồng, hai bên đã xác nhận công nợ và Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015 và 03 hợp đồng kinh tế có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty Mvề việc buộc Công ty T thanh toán nợ gốc là 5.329.880.408 đồng.

- Về lãi suất chậm thanh toán: Về yêu cầu thanh toán lãi suất chậm thanh toán, về thời điểm tính lãi suất chậm thanh toán và mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu:

Tại phiên tòa, Công ty Myêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 31/7/2019 (thời điểm xác nhận giá trị thanh toán) đến ngày 23/9/2023 là 1515 ngày với lãi suất 10%/năm là 5.329.880.408 đồng x 10% x 1515/365 ngày = 2.212.265.430 đồng.

Do trong 03 Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa Công ty Mvà Công ty T không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán, do đó Công ty Máp dụng mức lãi suất 10%/năm và tại phiên tòa Công ty T cũng đồng ý với lãi suất trên. Như vậy việc Công ty Máp dụng mức lãi suất chậm thanh toán 10%/năm là phù hợp theo thỏa thuận giữa hai bên tại phiên tòa và phù hợp theo quy định tại Điều 375, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Như vậy, theo 03 Hợp đồng kinh tế, Công ty T phải thanh toán cho Công ty Công ty M tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2023 là 7.542.145.838 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 5.329.880.408 đồng; Nợ lãi tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/9/2023 là 2.212.265.430 đồng.

Đối với yêu cầu của công ty CP đầu tư xây dựng T về việc đề nghị Công ty M trả lại cho Công ty T 01 máy xúc PC 200. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty T xin rút yêu cầu này. HĐXX xét thấy yêu cầu trên của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn – Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của số tiền 7.542.145.838 đồng là 112.000.000 đồng + 0.1% x 3.542.145.838 đồng =115.542.145 đồng.

Công ty Mđược hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quyền kháng cáo : Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 117, Điều 119, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 24, Điều 50, 319 Luật thương mại 2005;

- Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV M đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo 03 hợp đồng kinh tế số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017, Hợp đồng số 40/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 06/5/2018 và Hợp đồng số 101/HĐKT/HP-NS ngày 02/8/2018.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T phải thanh toán cho công ty TNHH MTV M Nội tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2023 là 7.542.145.838 đồng (Bảy tỷ năm trăm bốn mươi hai triệu một trăm bốn mươi năm nghìn tám trăm ba mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc là 5.329.880.408 đồng (Năm tỷ ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn bốn trăm lẻ tám đồng); Nợ lãi tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/9/2023 là 2.212.265.430 đồng (Hai tỷ hai trăm mười hai triệu hai trăm sáu mươi năm nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu của công ty CP đầu tư xây dựng T về việc đề nghị Công ty M trả lại cho Công ty T 01 máy xúc PC 200.

2. Về án phí: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.542.145 đồng.

Công ty TNHH MTV M được hoàn lại số tiền 57.461.224 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0019079 ngày 15/12/2022 tại Cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSNDquận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Hà